TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **103/**2020/DS-ST
Ngày: 26/5/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền.

2. Bà Trần Ngọc Bảo Châu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp N, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp H, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện,bản tự khai cùng ngày 26/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 29/12/2017, bị đơn Nguyễn Thị Mai T vay của bà 304.000.000đồng để trả nợ ngân hàng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mà chị T thế chấp cho ngân hàng. Thời hạn vay tiền là 01 năm, tính từ ngày 29/12/2017 đến 30/12/2018. Đôi bên có làm biên nhận vay tiền, bà cho chị T vay không lấy tiền lãi. Chị T có hứa khi lấy được GCNQSDĐ thì sẽ bán phần đất đó

cho bà với giá 400.000.000đồng, nhưng chị T không giữ lời, cũng không trả tiền nợ cho bà. Bà có đến nhà tìm gặp chị T để đòi tiền thì anh em của chị T đứng ra bảo lãnh, hứa trả nợ dùm, nhưng họ lại không đồng ý viết giấy bảo lãnh nợ cho chị T nên bà không chấp nhận việc bảo lãnh nợ của họ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, chị T có trả cho bà được một phần tiền nợ gốc là 89.000.000đồng, cụ thể vào ngày 29/12/2017 chị T trả được 79.000.000đồng và có tiến hành chốt số nợ còn lại là 225.000.000đồng, đến ngày 02/3/2020 chị T trả thêm cho bà 10.000.000đồng.

Nay khởi kiện, bà yêu cầu chị T trả cho bà số tiền nợ gốc là 304.000.000đồng và tiền lãi do chậm trả lãi, theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên hòa giải ngày 12/5/2020, bà H yêu cầu chị T trả cho bà 304.000.000đồng và tiền lãi của số nợ này tính từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, có cấn trừ số tiền 89.000.000đồng mà chị T đã trả cho bà trước đó.

** Trong bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 12/5/2020, bị đơn Nguyễn Thị Mai T trình bày:*

Chị T và bà H là chòm xóm, nhà gần nhau, chị và con gái bà H quen biết nhiều năm, biết bà H có cho vay nên chị nhiều lần vay tiền của bà H để làm vốn buôn bán. Mỗi lần vay, ít nhất là 4.000.000đồng, nhiều nhất là 20.000.000đồng. Khoản nợ 304.000.000đồng mà bà H đang khởi kiện chị là tiền vay nhiều lần cộng dồn lại, chị vay có trả lãi hàng tháng cho bà, lãi dao động từ 70.000đồng đến 90.000đồng/1.000.000đồng/tháng, trả tiền lãi đôi bên không có lập giấy tờ ký nhận. Đến ngày 29/12/2017, do không có khả năng trả nợ cho bà H, nên chị có làm biên nhận nợ với số tiền 304.000.000đồng cho bà. Từ lúc viết biên nhận đến nay, bà H không có lấy lãi của chị nữa vì chị xin trả dần số nợ gốc này và bà H đồng ý. Từ đó đến nay, chị cũng nhờ anh em trong gia đình giúp đỡ nên có trả được cho bà H 89.000.000đồng tiền nợ gốc, đến nay chị chỉ còn nợ bà H 215.000.000đồng tiền nợ gốc.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà H, chị xin được trả dần số nợ gốc còn lại 215.000.000đồng, hàng tháng trả 2.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 20/5/2020, trả liên tiếp cho đến khi dứt nợ, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà H vì không có khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà H yêu cầu chị T trả cho bà số tiền nợ gốc là 215.000.000đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật đối với các khoản nợ gốc còn lại tương ứng với từng thời điểm cụ thể: từ ngày 31/12/2018 đến ngày 18/12/2019, nợ gốc còn lại là 304.000.000đồng; từ ngày 19/12/2019 đến ngày 01/3/2020, nợ gốc còn lại là 225.000.000đồng; từ ngày 02/3/2020 đến ngày 26/5/2020, nợ gốc còn lại là 215.000.000đồng. Yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 215.000.000đồng, xin trả dần hàng tháng là 2.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 20/5/2020, trả liên tiếp cho đến khi dứt nợ, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 105, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] - *Về nội dung yêu cầu:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận vào ngày 29/12/2017 bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 304.000.000đồng, bị đơn có viết biên nhận nợ cùng ngày cho nguyên đơn (bút lục 03). Thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 29/12/2017 đến ngày 30/12/2018, vay không lãi. Từ ngày viết biên nhận đến ngày 19/12/2019, bị đơn trả cho nguyên đơn được 79.000.000đồng, cùng ngày đôi bên có tiến hành chốt nợ, nguyên đơn viết giấy với nội dung là tính đến ngày 19/12/2019 bị đơn còn thiếu nguyên đơn 225.000.000đồng (bút lục 13); đến ngày 02/3/2020 trả thêm 10.000.000đồng nữa (bút lục 13). Hiện tại, bị đơn còn nợ nguyên đơn 215.000.000đồng.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 215.000.000đồng, nhưng xin trả dần hàng tháng là 2.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 20/5/2020, trả liên tiếp cho đến khi hết nợ; không đồng ý trả lãi vì bị đơn trình bày nguyên đơn hứa là không tính lãi đối với số nợ vay nói trên.

Xét thấy, tại phiên tòa đôi bên đương sự cũng thống nhất số nợ gốc mà chị Trinh còn nợ bà H vào thời điểm xét xử là 215.000.000đồng. Qua đối chiếu lời khai các bên đương sự và biên nhận nợ lập ngày 29/12/2017, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không lãi và có kỳ hạn, hết thời hạn 01 năm thì sẽ phát sinh lãi chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị T cho rằng bà H hứa không lấy lãi số tiền này, từ đó chị không đồng ý trả lãi mà chỉ đồng ý trả nợ gốc cho bà H, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh, bà H lại không thừa nhận sự việc này và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật như đã trình bày tại tòa là hoàn toàn có căn cứ. Việc chị T xin trả dần số nợ vay cho bà H không được bà H đồng ý và làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà H, nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận đề nghị này của chị T.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 31/12/2018 đến ngày 18/12/2019, tính tròn là 11,5 tháng, lãi = 0.833%/tháng x 304.000.000đồng x 11,5 tháng = 29.121.680đồng.

- Từ ngày 19/12/2019 đến ngày 01/3/2020, tính tròn là 2 tháng,lãi = 0.833%/tháng x 225.000.000đồng x 2 tháng = 3.748.500đồng.

- Từ ngày 02/3/2020 đến ngày 26/5/2020, tính tròn 2.5 tháng,lãi = 0.833%/tháng x 215.000.000đồng x 2.5 tháng = 4.477.375đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 37.347.555đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 215.000.000đồng tiền nợ gốc và 37.347.555đồng tiền lãi, tổng cộng là 252.347.555đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] - *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 105, Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Mai T trả cho bà Nguyễn Thị H **252.347.555đồng**(hai trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 215.000.000đồng và nợ lãi là 37.347.555đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu **12.617.377**đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Cácđương sự.
- Lưu HSVA.